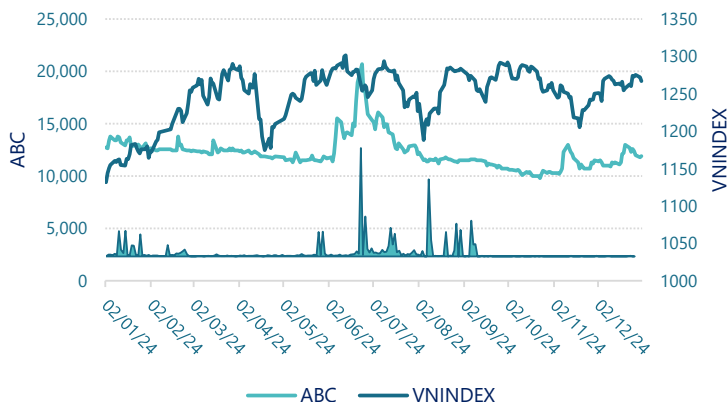




CTCP Truyền thông VMG (UPCOM: ABC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	11,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,692
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,800
SL cổ phiếu LH	20,389,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	254,305
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	243
P/E	16.8
EPS	710

DT thuần

Q4/24

466

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 149 | 47.1%

YoY: ▲ 90.0 | 24.1%

LN sau thuế

Q4/24

4.63

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 4.27 | -48.0%

YoY: ▼ 17.2 | -78.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.0%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

2024

1,147

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 68.0 | 6.3%

LN sau thuế

2024

14.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 11.8 | -45.0%

ROE

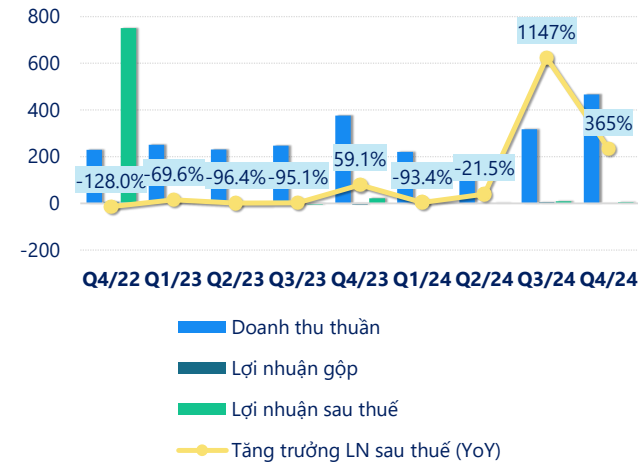
2024

2.9%

+/- YoY: ▼ 2.1%

tỷ VNĐ

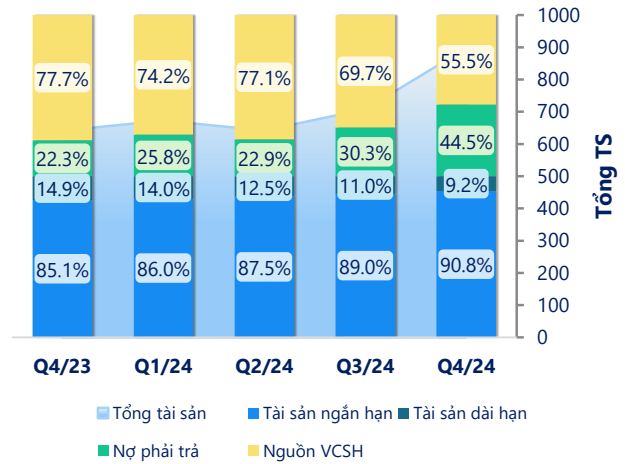
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

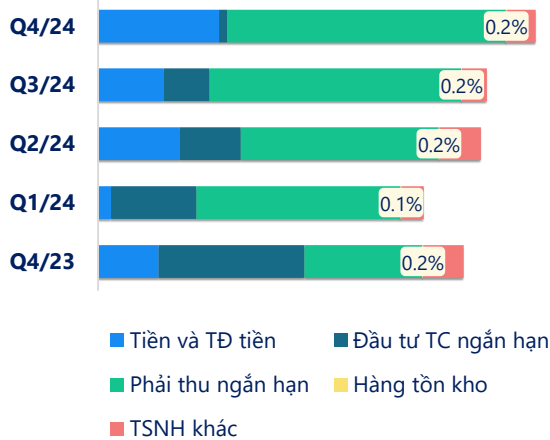
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



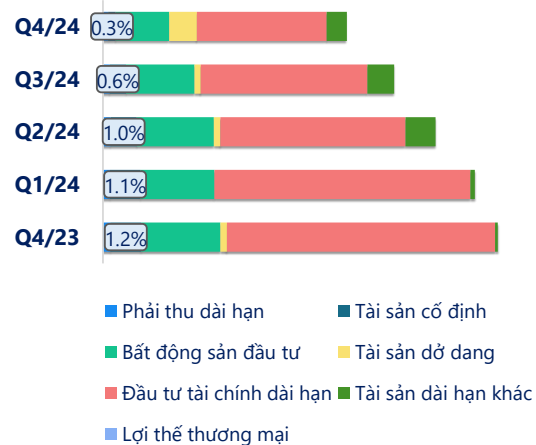
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

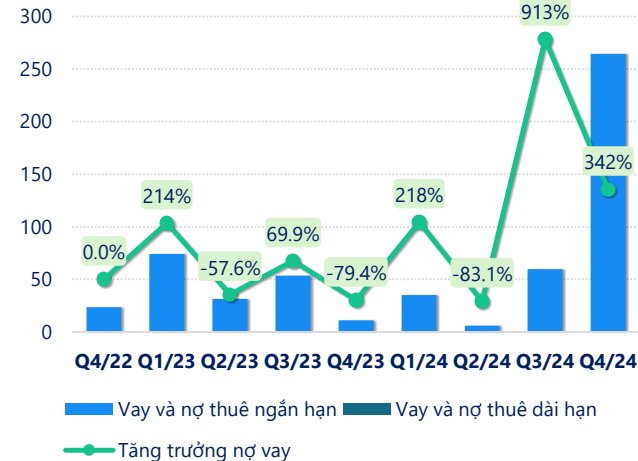
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

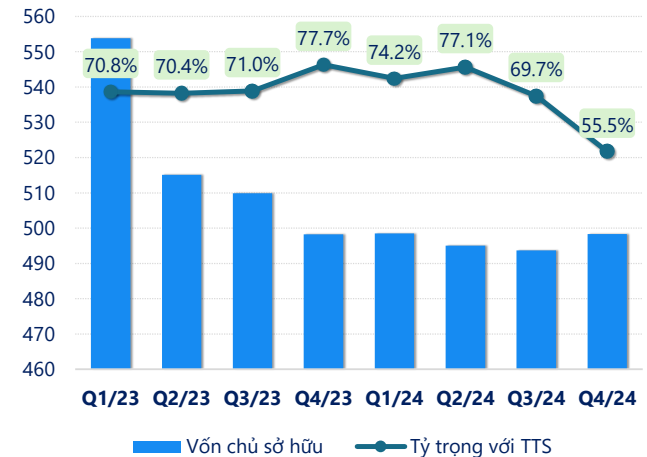
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

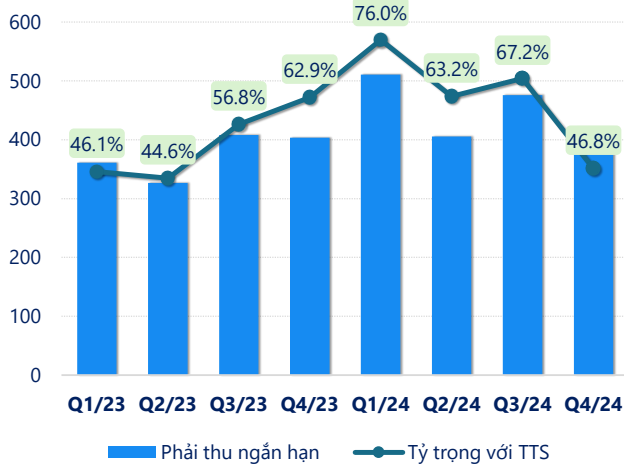
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



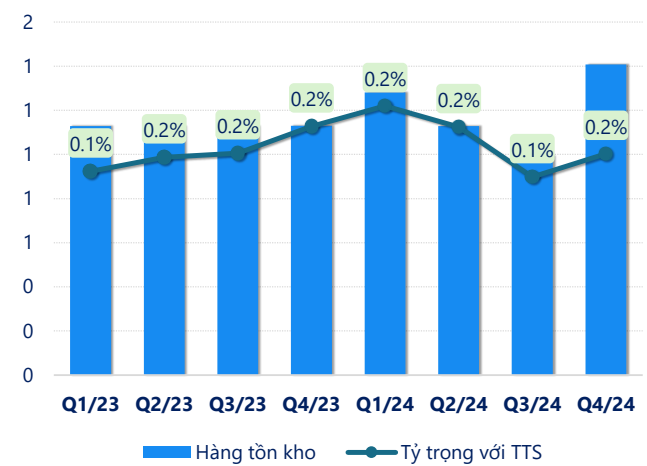
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


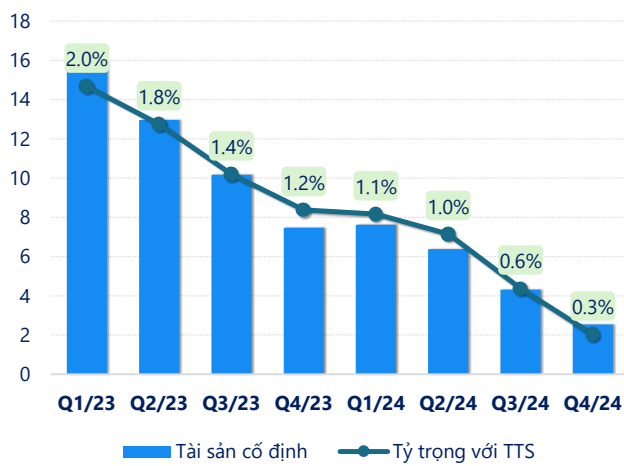
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


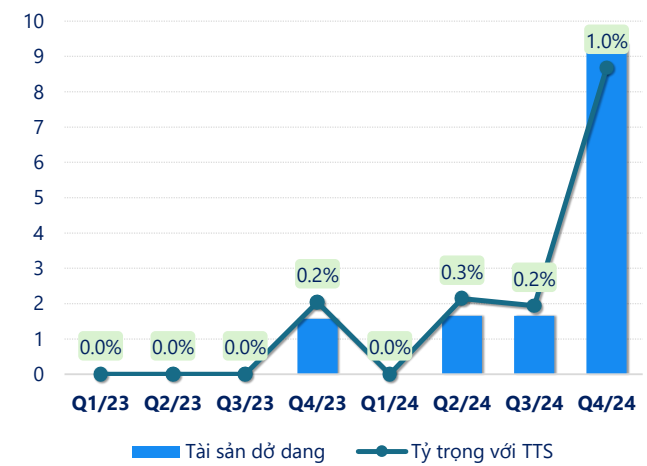
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

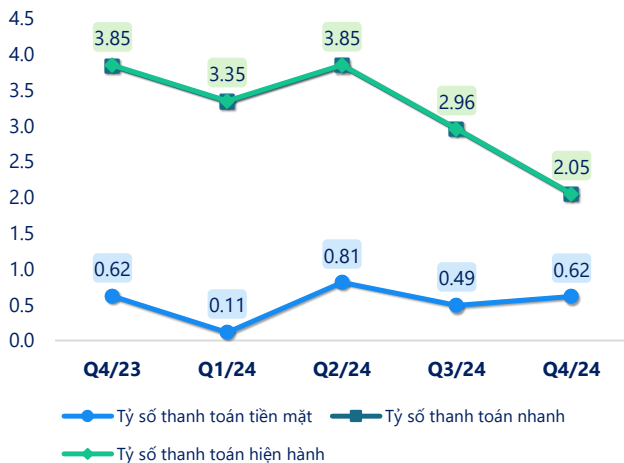
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	641	672	642	708	897
Tài sản ngắn hạn	546	578	562	630	815
Tiền và tương đương tiền	87.7	19.5	118	105	245
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.9	11.9	11.9	31.7	143
Phải thu ngắn hạn	403	511	405	476	420
Hàng tồn kho	1.13	1.28	1.13	0.99	1.41
Tài sản ngắn hạn khác	41.9	34.8	24.8	17.3	5.53
Tài sản dài hạn	95.3	94.0	80.3	77.5	82.3
Phải thu dài hạn	1.79	1.80	1.81	1.81	1.79
Tài sản cố định	7.46	7.62	6.38	4.31	2.53
Bất động sản đầu tư	19.1	18.8	18.5	18.3	18.0
Tài sản dở dang	1.57	0	1.65	1.65	9.35
Đầu tư tài chính dài hạn	64.7	64.7	44.7	44.4	43.8
Tài sản dài hạn khác	0.69	1.14	7.22	7.10	6.77
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	143	174	147	214	399
Nợ ngắn hạn	142	173	146	213	398
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.0	35.0	5.90	59.8	264
Phải trả người bán ngắn hạn	18.5	18.8	21.0	25.4	19.3
Nợ dài hạn	1.11	1.01	1.00	0.99	1.26
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	498	499	495	494	498
Vốn chủ sở hữu	498	499	495	494	498
Vốn điều lệ	204	204	204	204	204
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)